TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - ĐĂK LĂK** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 25-9-2025.
V/v: *"Kiện ly hôn và tranh chấp nuôi con chung".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – ĐĂK LĂK

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Dhiểu Hmok.

2. Ông Nguyễn Văn Thức.

-Thư ký phiên Tòa: Ông Thiều Sỹ Vững - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2025 tại phòng xử án, Toà án nhân dân khu vực 8 mở phiên toà xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 115/2025/TLST-HNGĐ ngày 27/5/2025 về việc *"Kiện ly hôn và tranh chấp nuôi con chung"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 40/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 1997. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Số 159A Hoàng Quốc V, TDP Đoàn K 4, phường Buôn H, tỉnh Đăk Lăk.

Bị đơn: Anh Phạm Duy Kh, sinh năm 1990. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Nơi cư trú: Số 159A Hoàng Quốc V, TDP Đoàn K 4, phường Buôn H, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị M trình bày:

- Về quan hệ tình cảm: Chị M và anh Kh về sống chung với nhau từ đầu năm 2022, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đoàn K (nay là phường Buôn H), kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, sau khi về sống chung hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng nhiều quan điểm, nên xảy ra nhiều cuộc cải vã làm mất tình cảm vợ chồng, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa, nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kh.

- Về con chung: Chị M và anh Kh có 01 con chung là Phạm Tuấn K, sinh ngày 24/7/2023, hiện con chung do anh Kh nuôi dưỡng, nên chị M đồng ý để anh Kh tiếp tục nuôi con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại chưa ghi nhận được ý kiến của anh Kh.

- Về tài sản và nợ chung: Chị M không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án anh Kh là bị đơn: Cố tình lẩn tránh, không hợp tác nên không ghi nhận được ý kiến của anh Kh và anh Kh cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị M.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của đương sự có trong hồ sơ vụ án do chủ tọa phiên tòa đã công bố tại phiên tòa thể hiện việc chị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Kh là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Cho chị M được ly hôn với anh Kh, tiếp tục giao con chung cho anh Kh nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Pháp luật về tố tụng: Việc chị Nguyễn Thị Trà M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Duy Kh, Toà án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự đến Tòa án để công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Kh cố tình lẫn tránh, không hợp tác, vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa

án không thể tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự được mà tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi anh Kh cư trú. Căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Pháp luật về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Kh về sống chung với nhau từ đầu năm 2022, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đoàn K (nay là phường Buôn H) theo giấy chứng nhận kết hôn số 03/2022/KH ngày 01/3/2022. Nguyên nhân mâu thuẫn là tính tình không hợp, bất đồng nhiều quan điểm, nên xảy ra nhiều cuộc cải vã làm mất tình cảm vợ chồng, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa, nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kh.

Căn cứ vào lời khai và qua xác minh tại chính quyền địa phương. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị M và anh Kh ngày càng trầm trọng, giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại. Vì vậy, việc chị M yêu cầu ly hôn với anh Kh là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

2.2, Về con chung: Chị M và anh Kh có 01 con chung. Nhận thấy, sau khi sống ly thân anh Kh là người trực tiếp nuôi con, nay ly hôn chị M đồng ý để anh Kh tiếp tục nuôi con, nên cần giao con chung là Phạm Tuấn K, sinh ngày 24/7/2023 cho anh Kh trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp.

2.3, Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại chưa ghi nhận được ý kiến của anh Kh, nên không đề cập xem xét. Nếu anh Kh có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án cấp dưỡng nuôi con chung.

2.4. Về tài sản và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trà M.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Trà M được ly hôn với anh Phạm Duy Kh.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Tuấn K, sinh ngày 24/7/2023 cho anh Kh trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện tại chưa ghi nhận được ý kiến của anh Kh, nên không đề cập xem xét. Nếu anh Kh có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị M có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản và nợ chung: Chị M không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập xem xét.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 19; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Chị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS thị xã Buôn Hồ (nay là Phòng THADS khu vực 8) theo biên lai số 0004238 ngày 22/5/2025.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- THADS tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND khu vực 8;
- Phòng THADS khu vực 8;
- UBND phường Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ